

Chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam giai đoạn 2011-2018: theo cách tiếp cận tăng trưởng-chia sẻ

NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tăng trưởng-chia sẻ (shift share analysis - SSA) để phân rõ đóng góp của chuyển dịch cơ cấu, yếu tố nội ngành đến tăng trưởng năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chuyển dịch cơ cấu giai đoạn 2011-2018 có tác động tích cực đối với tăng trưởng năng suất lao động nói chung và yếu tố nội ngành trở thành yếu tố chủ đạo thúc đẩy tăng trưởng năng suất lao động, từ đó đưa ra một số gợi ý chính sách.

Từ khóa: chuyển dịch cơ cấu, tăng trưởng năng suất lao động, shift-share analysis

1. Mở đầu

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, tăng trưởng năng suất lao động là mối quan tâm hàng đầu ở hầu hết quốc gia trên thế giới đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển khi mà khoảng cách năng suất giữa các ngành còn cao, khả năng dịch chuyển cơ cấu tương đối lớn và chuyển dịch cơ cấu có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng năng suất lao động (NSLĐ). Trong tiến trình phát triển kinh tế, dù ở giai đoạn nào thì chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng NSLĐ cũng diễn ra song song và có tác động qua lại lẫn nhau. Hầu hết các nhà kinh tế học đều cho rằng tăng trưởng năng suất lao động có thể là kết quả của thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp khi các yếu tố khác như thiết bị, lao động/vốn, chất lượng lao động vẫn không thay đổi (ILO (2016); Kuznets, McMillan và Rodrik (2011); De Vries, Timmer và de Vries (2015), Rodrik (2013), Timmer và Szirmai (2000)). Lý thuyết tăng trưởng kinh tế của Lewis nhấn mạnh vai trò của chuyển dịch lao động từ khu vực truyền thống năng suất thấp sang khu vực hiện đại và coi đây là động lực cho tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng năng suất lao động.

Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến tăng trưởng NSLĐ ở mỗi quốc gia, mỗi khu vực, mỗi ngành là khác nhau tùy

thuộc vào sự phát triển, năng lực nội tại của chính các quốc gia đó. Nhiều nghiên cứu về vấn đề này đã chỉ ra: ở các nước phát triển, với mức thu nhập cao tác động của chuyển dịch cơ cấu theo chuyển dịch lao động là không đáng kể, thậm chí là âm; tăng trưởng NSLĐ chủ yếu là do tăng năng suất nội ngành (do vốn con người, trình độ công nghệ). Còn đối với các nước đang phát triển (nhất là các quốc gia Châu Á, và Châu Mỹ Latinh), chuyển dịch cơ cấu là động lực chính cho tăng trưởng NSLĐ.

2. Tổng quan nghiên cứu

Peter Havlik (2005) sử dụng phương pháp Shift-share analysis (SSA) để phân tích đóng góp của dịch chuyển lao động (tĩnh và động) đến tăng trưởng năng suất ngành ở các nước thành viên mới của liên minh Châu Âu giai đoạn 1995-2002. Kết quả cho thấy: dịch chuyển lao động từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao (tác động tĩnh) cũng như sự dịch chuyển lao động từ khu vực có tăng trưởng năng suất thấp sang khu vực có tăng trưởng năng suất cao hơn (ảnh hưởng động) có ảnh hưởng rất nhỏ (thậm chí là âm - trường hợp của Romania

Nguyễn Thị Ánh Tuyết, ThS., Viện Kinh tế Việt Nam.

và Cộng hòa Séc - ngoại trừ trường hợp của Hungary) đến tăng trưởng NSLĐ. Sự bất kịp năng suất lao động của các nước thành viên mới của Liên minh Châu Âu (EU) xuất phát từ tăng trưởng năng suất nội bộ ngành.

Meehan (2014) khi đánh giá sự đóng góp của chuyển dịch cơ cấu đến tăng trưởng năng suất lao động của Niu Dilân và so sánh với một số nước khác của OECD giai đoạn 1990-2005 đã chỉ ra mối quan hệ giữa tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp và ảnh hưởng của thay đổi cấu trúc là không rõ ràng. Tác giả bóc tách tăng trưởng NSLĐ theo phương pháp SSA, kết quả cho thấy: tăng trưởng NSLĐ ở Niu Dilân là do tăng năng suất nội ngành, dịch chuyển cơ cấu làm giảm tốc độ tăng năng suất nói chung. Một số quốc gia có năng suất cao như Niu Dilân, Nam Triều Tiên thì thay đổi cấu trúc lại có tác động âm trong khi một số nước có tăng trưởng năng suất thấp thì thay đổi cấu trúc có tác động dương. Các quốc gia ở Châu Á, với tỷ lệ lao động khu vực nông nghiệp cao, dịch chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp năng suất cao làm tăng trưởng năng suất lao động. Với châu Mỹ Latinh, lao động khu vực nông nghiệp lại dịch chuyển nhiều sang khu vực dịch vụ (giống với các nước phát triển) không có lợi cho tăng trưởng năng suất lao động.

Ở các nước kém phát triển, lao động dịch chuyển theo hướng sang ngành dịch vụ nhiều hơn là các ngành công nghiệp sản xuất, chế biến chế tạo; các nước đang phát triển có mức thu nhập cao hơn, chuyển dịch lao động chủ yếu sang khu vực công nghiệp chế biến. Sự tăng trưởng nhanh chóng của năng suất lao động là bởi sự phát triển nhanh chóng khu vực công nghiệp sản xuất, chế biến chế tạo (phổ biến hơn đối với sự phát triển các nước khu vực Châu Á) với một sự gia tăng nhanh chóng một lực lượng lao động lớn. Khu vực công nghiệp chế biến trở thành động lực cho tăng trưởng, dẫn đến những thay đổi trong công nghệ, và có những tác động lan tỏa thúc

đẩy sự phát triển của các ngành khác (thông qua liên kết ngược và xuôi). Sự chuyển dịch nhanh chóng sang khu vực dịch vụ ở nhiều nước là sự mở rộng của khu vực phi chính thức với sự hạn chế về tăng trưởng năng suất cũng như vốn và công nghệ thông tin ở mức thấp. Hầu hết việc làm được tạo ra bởi ngành dịch vụ là những đặc điểm của năng suất lao động thấp và sự suy giảm của năng suất biên (UNCTAD, 2014).

DIAL và IRD (2015) sử dụng dữ liệu cấp ngành và dữ liệu doanh nghiệp (giai đoạn 1983-2008), kết quả nghiên cứu cho thấy Tuynidi có mức tăng trưởng bền vững trong nhiều thập kỷ nhưng sự đóng góp của thay đổi cấu trúc ngành rất hạn chế. Nền kinh tế được chia ra thành 9 ngành, theo 2 giai đoạn (từ 1983- 1995 và từ 1995-2008) tương ứng với các giai đoạn ký kết tự do thương mại. Trong 9 ngành này, dịch vụ nhà hàng, khách sạn; dịch vụ tài chính, bảo hiểm là những ngành mà tăng trưởng năng suất chủ yếu nhờ vào sự thay đổi cấu trúc. Theo thời gian, sự đóng góp nội ngành ngày càng đóng vai trò quan trọng và cùng với đó là sự đóng góp giảm dần của chuyển dịch cấu trúc.

Mallick (2017) xem xét sự đóng góp của chuyển dịch cơ cấu đối với tăng trưởng năng suất lao động ở Ấn Độ và Trung Quốc giai đoạn 1981-2010 bằng phương pháp SSA và hồi quy tuyến tính. Tác giả đã chỉ ra đóng góp tích cực của chuyển dịch cơ cấu trong việc tăng năng suất lao động. Ở Trung Quốc, tăng trưởng năng suất lao động chủ yếu là do tăng năng suất nội ngành, đóng góp của chuyển dịch lao động chỉ đóng góp một phần nhỏ. Với Ấn Độ, dịch chuyển lao động lại là động lực chính cho tăng trưởng năng suất lao động những năm 1981-1987, sau đó vai trò của năng suất nội ngành đóng vai trò chủ đạo. Năm 2010, dịch chuyển lao động còn có tác động làm giảm tăng trưởng năng suất lao động tại Ấn Độ.

Nuhu (2017) sử dụng phương pháp SSA, tác giả cho thấy, thay đổi cấu trúc cải thiện tăng trưởng năng suất ở khu vực Châu Á,

Châu Mỹ Latinh, và Bắc Phi. Khi khoảng cách năng suất dần biến mất thì tiến bộ công nghệ là yếu tố dẫn dắt tăng trưởng kinh tế ở hầu hết khi vực Châu Á, Bắc Phi, trong khi Sub-Saharan thì thay đổi cấu trúc vẫn có vai trò với tăng trưởng năng suất qua các giai đoạn. Tại cấp độ quốc gia, thay đổi cấu trúc đã và đang làm giảm tăng trưởng ở một số nước khi lao động dịch chuyển sai hướng. Ngược lại với một số các nghiên cứu khác, tác giả cho rằng, thị trường lao động cứng nhắc làm tăng đóng góp của thay đổi cấu trúc đối với tăng trưởng, bởi việc làm chậm lại quá trình phân phối lại lao động giữa các ngành.

Lê Văn Hùng (2015), Nguyễn Thị Tuệ Anh và Bùi Phương Liên (2007) phân tích cho trường hợp của Việt Nam theo phương pháp SSA đã khẳng định vai trò của chuyển dịch cơ cấu đối với tăng trưởng NSLĐ qua các giai đoạn. Có giai đoạn tăng trưởng NSLĐ ở Việt Nam chủ yếu là do chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực có NSLĐ thấp sang khu vực có NSLĐ cao, ví dụ như giai đoạn 2001-2007: chuyển dịch cơ cấu đóng góp tới 88% cho tăng trưởng NSLĐ. Cùng phương pháp nghiên

$$+ \frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0)(S_i^t - S_i^0)}{LP^0} + \frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0)S_i^0}{LP^0}$$

(2-thành phần tương tác- dynamic) (3- hiệu ứng nội ngành- intra)

Trong đó: LP là năng suất lao động, Si là tỷ trọng lao động làm việc của ngành i, Li là tỷ trọng lao động trong khu vực i trong nền kinh tế.

Thành phần thứ nhất là hiệu ứng dịch chuyển – hiệu ứng tĩnh - được tính bằng tích của thay đổi tỷ trọng lao động ngành lực lượng lao động với tỷ trọng NSLĐ của từng khu vực so với NSLĐ của cả nước. Hiệu ứng tĩnh đo lường tỷ lệ tăng trưởng năng suất thông qua di chuyển lao động khu vực năng suất thấp sang khu vực năng suất cao. Tỷ lệ vốn trên lao động trong ngành công nghiệp nhẹ thấp hơn ngành công nghiệp nặng và việc di chuyển lao động từ ngành công nghiệp nhẹ sang ngành công nghiệp nặng, thâm dụng vốn thường

cứu này Huỳnh Ngọc Chương, Lê Nhân Mỹ (2016) cũng cho thấy kết quả tương tự.

3. Phương pháp nghiên cứu, dữ liệu sử dụng

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích tăng trưởng-chia sẻ (Shift-share Analysis-SSA) - một phương pháp được sử dụng phổ biến trong hầu hết các nghiên cứu khi xem xét đóng góp của dịch chuyển cơ cấu đến tăng trưởng NSLĐ. Ban đầu tăng trưởng năng suất được chia thành hai thành phần: tăng trưởng năng suất nội ngành và tăng trưởng năng suất do sự phân bổ lại lao động giữa các ngành hay chính là hiệu ứng dịch chuyển. Sau này, Timmer và Szirmai (2000), J. Fagerberg (2000) đã phát triển bổ sung thêm một thành phần nữa của tăng trưởng. Do đó tăng trưởng năng suất lao động gồm 3 thành phần: hiệu ứng nội ngành, hiệu ứng dịch chuyển và thành phần tương tác. Công thức phân rã đóng góp của các hiệu ứng như sau:

$$GLP_t = \frac{LP^t - LP^0}{LP^0} = \frac{\sum_{i=1}^n LP_i^0 (S_i^t - S_i^0)}{LP^0}$$

(1-Hiệu ứng dịch chuyển-static)

làm tăng NSLĐ (Chenery và cộng sự, 1986).

Thành phần thứ hai là thành phần tương tác (hiệu ứng động) được đo lường bằng tích số của biến động năng suất và biến động lao động trên NSLĐ kỳ trước đó. Thành phần này dựa trên cả tốc độ dịch chuyển lao động và thay đổi năng suất giữa các ngành.

Thành phần thứ 3 là tăng trưởng năng suất nội ngành được tính bằng tích của thay đổi tăng trưởng năng suất nội ngành với tỷ trọng lao động của ngành kinh tế trên NSLĐ kỳ trước. Thành phần này cho thấy, tăng năng suất dựa vào cải thiện năng suất bên trong mỗi ngành thông qua công nghệ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật bởi

Chuyển dịch cơ cấu ...

việc cải thiện phương pháp quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thành phần này có tính chất gần như năng suất nhân tố tổng hợp TFP.

Về số liệu sử dụng: GDP theo giá so sánh 2010 và số lượng lao động đang làm việc trong nền kinh tế hàng năm từ 2011- 2018

BẢNG 1: Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu ngành, của ngành vào tăng trưởng NSLĐ ở Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2018 (điểm %)

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Hiệu ứng nội ngành	1,56	2,45	3,45	3,91	4,46	2,66	4,57	3,84
Hiệu ứng tĩnh	1,80	3,15	-1,53	1,20	1,41	-0,24	2,10	1,61
Hiệu ứng động	-0,14	-0,50	-0,10	0,02	-0,02	0,03	-0,29	-0,41
Tổng hiệu ứng	3,22	5,11	1,82	5,12	5,84	2,44	6,38	5,05

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục thống kê (2010), GDP tính theo giá so sánh năm 2010.

Vai trò của yếu tố nội ngành tăng theo thời gian với điểm phần trăm đóng góp ngày càng tăng: năm 2011 yếu tố nội ngành chiếm 1,56 điểm phần trăm, năm 2018 tăng lên mức 3,84 điểm phần trăm. Tuy vậy vai trò của chuyển dịch cơ cấu vẫn còn lớn đối với tăng trưởng NSLĐ mặc dù đã có xu hướng giảm. Cụ thể năm 2012, 2017 điểm phần trăm đóng góp cho tăng trưởng NSLĐ của thành phần chuyển dịch cơ cấu vẫn lớn, đặc biệt là năm 2012, chuyển dịch cơ cấu đóng góp 3,15 điểm phần trăm so với 2,45 điểm phần trăm của yếu tố nội ngành. Về xu

được thu thập từ Tổng cục Thống kê cả số liệu chung cho tổng thể nền kinh tế và số liệu cho từng ngành.

4. Kết quả và thảo luận

Đối với tổng thể nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2018, vai trò của chuyển dịch cơ cấu đối với tăng trưởng NSLĐ giảm dần.

hướng chung, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn phải tuân theo quy luật: giảm vai trò của chuyển dịch cơ cấu và tăng vai trò của yếu tố nội ngành. Do đó để thúc đẩy tăng trưởng NSLĐ cần tập trung nâng cao chất lượng các nhân tố đầu vào (như chất lượng nguồn nhân lực, nâng cấp công nghệ, nâng cao hiệu quả đầu tư) thay vì mở rộng theo chiều dọc, dựa vào chuyển dịch cơ cấu để tăng trưởng.

Xét cụ thể đối với 20 ngành cấp một, có thể thấy được vai trò của từng ngành cũng như đóng góp của chuyển dịch cơ cấu đối với tăng trưởng năng suất từng ngành.

BẢNG 2: Đóng góp của tác động chuyển dịch cơ cấu ngành trong tăng trưởng NSLĐ năm 2011, 2015, 2018 (%)

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2011										
Tổng hiệu ứng	8,9	5,1	44,6	2,9	2,8	-4,2	20,1	3,6	6,3	1,0
Hiệu ứng nội ngành	22,1	5,1	34,9	2,9	2,8	-7,1	13,2	6,9	-8,5	1,0
Hiệu ứng tĩnh	-12,7	0,0	8,9	0,0	0,0	3,0	6,6	-3,1	16,0	0,0
Hiệu ứng động	-0,5	0,0	0,8	0,0	0,0	-0,1	0,3	-0,2	-1,2	0,0
2015										
Tổng hiệu ứng	6,1	20,2	25,7	4,2	-0,2	10,3	13,9	2,4	0,5	0,4
Hiệu ứng nội ngành	21,4	20,2	3,7	4,2	-0,2	6,9	12,6	0,6	-2,4	0,4
Hiệu ứng tĩnh	-14,3	0,0	21,7	0,0	0,0	3,1	1,2	1,7	3,0	0,0
Hiệu ứng động	-1,1	0,0	0,3	0,0	0,0	0,2	0,1	0,0	-0,1	0,0
2018										
Tổng hiệu ứng	7,4	-20,8	41,4	1,4	4,3	10,5	13,5	3,8	5,1	2,8
Hiệu ứng nội ngành	27,4	16,6	28,5	1,4	-0,3	3,6	4,5	3,8	-2,6	2,8
Hiệu ứng tĩnh	-18,2	-33,2	11,9	0,0	4,7	6,7	8,8	0,0	8,1	0,0
Hiệu ứng động	-1,7	-4,1	1,0	0,0	-0,1	0,2	0,2	0,0	-0,3	0,0

Chuyển dịch cơ cấu ...

	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	Tổng số	Tăng trưởng NSLĐ
2011												
Tổng hiệu ứng	14,5	-21,3	1,9	0,1	4,5	2,6	2,8	-0,1	3,2	0,7	100	3,22
Hiệu ứng nội ngành	-14,8	-21,3	1,9	0,1	7,2	2,6	-0,8	-0,1	-0,3	0,7	48,4	1,56
Hiệu ứng tĩnh	32,3	0,0	0,0	0,0	-2,5	0,0	3,8	0,0	3,5	0,0	55,8	1,80
Hiệu ứng động	-3,0	0,0	0,0	0,0	-0,2	0,0	-0,1	0,0	0,0	0,0	-4,2	-0,14
2015												
Tổng hiệu ứng	3,7	-1,6	1,5	-0,1	2,9	3,4	1,6	2,8	2,3	0,1	100	5,84
Hiệu ứng nội ngành	3,7	-1,6	1,5	-0,1	2,9	2,1	-0,4	0,4	0,3	0,1	76,3	4,46
Hiệu ứng tĩnh	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1,2	2,1	2,3	1,9	0,0	24,1	1,41
Hiệu ứng động	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,0	0,1	0,0	0,0	-0,4	-0,02
2018												
Tổng hiệu ứng	13,9	9,8	-2,2	-0,1	2,3	2,6	1,5	1,4	1,3	0,1	100	5,05
Hiệu ứng nội ngành	-1,7	-10,8	-2,2	-0,1	4,1	1,2	-0,8	1,4	-0,7	0,1	76,1	3,84
Hiệu ứng tĩnh	15,9	23,4	0,0	0,0	-1,7	1,3	2,3	0,0	2,0	0,0	32,0	1,61
Hiệu ứng động	-0,2	-2,7	0,0	0,0	-0,1	0,0	-0,1	0,0	0,0	0,0	-8,1	-0,41

Nguồn: Tác giả tính toán theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2010), GDP theo giá so sánh 2010.

Ghi chú: 1-Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; 2-Khai khoáng; 3-Công nghiệp chế biến chế tạo; 4-Sản xuất và phân phối điện, khí đốt; 5- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; 6- Xây dựng; 7- Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; 8- Vận tải, kho bãi; 9- Dịch vụ lưu trú và ăn uống; 10-Thông tin và truyền thông; 11- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; 12-Hoạt động kinh doanh bất động sản; 13-Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; 14- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; 15-Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, đảm bảo xã hội bắt buộc; 16- Giáo dục và đào tạo; 17- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; 18-Nghệ thuật, vui chơi và giải trí; 19- Hoạt động dịch vụ khác; 20-Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình.

Bảng 2 cho thấy vai trò rất lớn của ngành công nghiệp chế biến chế tạo đối với tăng trưởng NSLĐ của nền kinh tế được thể hiện bằng tỷ trọng phần trăm đóng góp cao: năm 2011 là 44,6%; năm 2015 là 25,7%, năm 2018 là 41,4%. Tiếp theo đó là ngành bán buôn, bán lẻ; ngân hàng tài chính; kinh doanh bất động sản; nông-lâm-thủy sản; dịch vụ lưu trú và ăn uống và xây dựng.

Ngành công nghiệp chế biến chế tạo giai đoạn đầu (năm 2011) tăng trưởng năng suất chủ yếu do yếu tố nội ngành, sang năm 2015 yếu tố nội ngành giảm mạnh và thay vào đó là do dịch chuyển cơ cấu nhưng cho đến thời điểm năm 2018 thì tăng trưởng năng suất của ngành vẫn chủ yếu là do các nhân tố bên trong ngành. Dịch chuyển lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp góp phần tăng trưởng năng suất của ngành công nghiệp chế biến

chế tạo. Giai đoạn 2011-2018 đóng góp của chuyển dịch cơ cấu đối với tăng trưởng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo ngày càng lớn. Đóng góp của ngành đối với tăng trưởng năng suất tổng thể có chiều hướng giảm dần.

Ngành nông nghiệp vẫn duy trì vai trò quan trọng đối với tăng trưởng năng suất tại bất cứ thời điểm nào trong tiến trình phát triển kinh tế (suy thoái hay tăng trưởng mạnh) và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa hiện nay luôn làm giảm tăng trưởng năng suất lao động của ngành. Tăng trưởng năng suất của ngành được duy trì tốt bởi việc gia tăng đóng góp của yếu tố nội ngành ngày càng tăng. Là một nước nông nghiệp, với hầu hết lao động trong khu vực nông nghiệp Việt Nam cần tập trung phát triển cho ngành nông nghiệp để duy trì

tốc độ tăng trưởng một cách bền vững và giải quyết tốt vấn đề việc làm cho nền kinh tế.

Các ngành bán buôn bán lẻ, ngân hàng tài chính, dịch vụ lưu trú và ăn uống hiện đang giảm dần vị trí đóng góp cho tăng trưởng NSLĐ nói chung, thể hiện ở tỷ trọng phần trăm đóng góp cho tăng trưởng NSLĐ giảm dần từ năm 2011 đến năm 2018. Đây là các ngành mà tăng trưởng NSLĐ chủ yếu là do đóng góp của chuyển dịch cơ cấu. Thương mại bán buôn bán lẻ năm 2011 với tăng trưởng năng suất nội ngành là chủ đạo thì năm 2018 tăng trưởng nội ngành giảm mạnh và thay vào đó là đóng góp do chuyển dịch cơ cấu. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo xu hướng chuyển sớm sang ngành dịch vụ phi sản xuất cần phải lưu ý để tránh hiện tượng tăng trưởng trong giai đoạn đầu và giảm trong giai đoạn sau, bởi đây là những ngành phi sản xuất, nguồn nhân lực không đòi hỏi chất lượng cao. Một điểm đáng chú ý là ngành thông tin truyền thông và ngành vận tải kho bãi vẫn có tỷ lệ đóng góp cho tăng trưởng năng suất chung rất thấp (tỷ lệ % tương ứng là 2,8% và 3,8% năm 2018). Dịch chuyển cơ cấu lao động năm 2018 không đóng góp cho tăng trưởng năng suất của ngành.

Ngành ngân hàng tài chính, bất động sản là những ngành phi sản xuất, tiềm ẩn nhiều rủi ro và có đóng góp đối với tăng trưởng nền kinh tế không ổn định. Năm 2018, hai ngành này có đóng góp lớn đối với tăng trưởng năng suất nói chung (chỉ sau ngành công nghiệp chế biến chế tạo). Tăng trưởng năng suất của ngành do chuyển dịch cơ cấu quyết định. Cần lưu ý rằng, ngành bất động sản luôn tiềm ẩn những rủi ro lớn. Tăng trưởng mạnh của ngành có thể đóng góp vào tăng trưởng năng suất chung nhưng chỉ tồn tại tại những thời điểm nhất định. Do đó, khi xem xét tăng trưởng năng suất chung cần xem xét cụ thể đóng góp của các ngành để từ đó có những chính sách phù hợp cho từng giai đoạn cụ thể nếu muốn duy trì tăng trưởng năng suất một cách bền vững.

Quá trình công nghiệp hóa với nhu cầu xây dựng ngày càng tăng, vai trò của ngành xây dựng đối với tổng thể nền kinh tế do đó ngày càng lớn. Tỷ trọng đóng góp của ngành xây dựng đối với tăng trưởng năng suất tăng từ năm 2011 đến năm 2018: năm 2011 đóng góp tăng trưởng năng suất của ngành đối với tăng trưởng năng suất chung là âm 4,2% (tương ứng với thời kỳ lạm phát, nợ công, đầu tư kém hiệu quả) thì năm 2018 tăng lên mức 10,5%. Chuyển dịch cơ cấu ngày càng có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng năng suất của ngành và năm 2018 đã trở thành nhân tố chủ đạo quyết định tăng trưởng năng suất cao.

Tại các thời điểm khác nhau, vai trò đóng góp của các ngành là khác nhau. Cụ thể:

Năm 2011, các ngành đóng góp chính cho tăng trưởng năng suất chung bao gồm: công nghiệp chế biến chế tạo (44,6%); bán buôn bán lẻ (20%), ngân hàng tài chính (14,5%), nông nghiệp (8,9%), dịch vụ lưu trú, ăn uống (6,3%), khai khoáng (5,1%). Chuyển dịch cơ cấu lao động ra khỏi ngành nông nghiệp tạo điều kiện cho tăng năng suất ở các ngành khác.

Năm 2015, vai trò đóng góp của các ngành cho tăng trưởng có sự thay đổi. Quan trọng nhất vẫn là ngành công nghiệp chế biến chế tạo (25,7%), tiếp đó là ngành khai khoáng (20,2%), bán buôn bán lẻ (13,9%), xây dựng (10,3%), nông nghiệp (6,1%). Năm 2018 vai trò của ngành khai khoáng giảm nhanh và thay vào đó là vị trí của ngành ngân hàng tài chính, kinh doanh bất động sản.

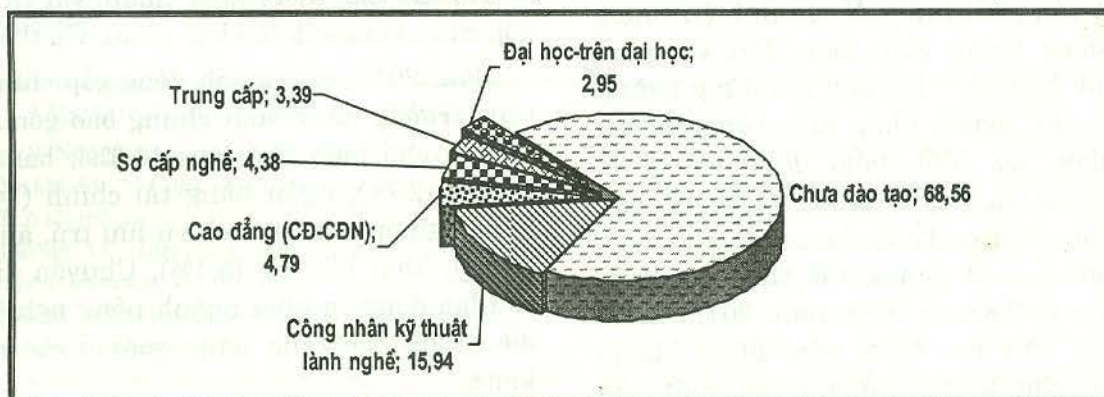
Như vậy, chuyển dịch cơ cấu vẫn có những đóng góp tích cực đối với tăng trưởng năng suất nhưng vai trò ngày càng giảm dần và nhường chỗ cho tăng trưởng nội ngành. Ngành có đóng góp chính cho tăng trưởng NSLĐ tổng thể vẫn là ngành công nghiệp chế biến chế tạo, tiếp sau đó là các ngành khác như bán buôn, bán lẻ; dịch vụ lưu trú, ăn uống, xây dựng, ngân hàng tài chính, bất động sản. Đây là các ngành mà tăng trưởng năng suất chủ yếu do đóng góp của chuyển

dịch cơ cấu. Riêng ngành nông nghiệp, tăng trưởng NSLĐ luôn dựa vào yếu tố nội ngành và là ngành luôn duy trì được vai trò đối với tăng trưởng năng suất chung.

Liên hệ với thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam có thể thấy: hai ngành sản xuất có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng năng suất và là ngành tăng trưởng chủ yếu dựa vào yếu tố nội ngành là ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành nông nghiệp lại chưa được đầu tư một cách thỏa đáng. Tỷ lệ vốn đầu tư bình quân đầu người của hai ngành này rất thấp và năng suất bình quân đầu người của hai ngành cũng thấp hơn mức bình quân của tổng thể nền kinh tế và thấp

hơn rất nhiều so với các ngành như khai khoáng, bất động sản, ngân hàng tài chính. Các sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến chế tạo chủ yếu là gia công, lắp ráp giá trị gia tăng thấp. Đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực như điện, điện tử, máy móc, trang thiết bị... chủ yếu đến từ khu vực FDI. Các doanh nghiệp của Việt Nam rất ít tham gia liên kết, cung cấp đầu vào cho khối doanh nghiệp này do đó đầu vào cho sản xuất đa phần được nhập khẩu. Chất lượng lao động khu vực này ít cải thiện, trình độ tay nghề thấp. Điều này được minh chứng thông qua nhu cầu tuyển dụng lao động tại các khu công nghiệp-khu chế xuất:

HÌNH 1: Cơ cấu lao động tuyển dụng tại khu chế xuất-khu công nghiệp năm 2016



Nguồn: <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/tin-tuc/6527.thi-truong-lao-dong-thanh-pho-ho-chi-minh-du-bao-nhu-cau-nhan-luc-nam-2017.html>

Đối với khu vực nông nghiệp thu hút phần lớn lao động của nền kinh tế lại có năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu rất thấp. Chuyển dịch lao động hiện nay đang theo hướng gia tăng tỷ trọng lao động khu vực dịch vụ mà chủ yếu là bán buôn bán lẻ, dịch vụ lưu trú và ăn uống. Đây là những ngành mà có thể sẽ làm giảm tăng trưởng NSLĐ (theo kinh nghiệm của một số nước kém phát triển và đang phát triển). Như đã phân tích ở trên, dư địa của chuyển dịch cơ cấu đối với tăng trưởng năng suất vẫn còn nhưng hiện đang giảm và tăng trưởng năng suất chủ yếu do các nhân tố nội ngành. Vì vậy, các chính sách thúc đẩy tăng trưởng năng suất nên tập trung vào các yếu tố nội ngành như nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực, nâng cao hiệu quả đầu tư (tránh tập trung đầu tư vào khu vực phi sản xuất, tiềm ẩn nhiều rủi ro), nâng cấp công nghệ.

5. Gợi ý chính sách

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra ảnh hưởng tích cực của chuyển dịch cơ cấu đối với tăng trưởng năng suất tổng thể nói chung. Tuy nhiên, hiện nay đóng góp của chuyển dịch cơ cấu ngày càng giảm. Do đó các chính sách thúc đẩy tăng trưởng năng suất cần tập trung cho yếu tố nội ngành. Nhận định các vấn đề dẫn đến giới hạn trong tăng trưởng năng suất do đó cần nhìn nhận thẳng vào yếu tố nội tại, bên trong của ngành thay vì cho rằng nguyên nhân chính là do cơ cấu chậm dịch chuyển. Không thể thúc đẩy cơ cấu dịch chuyển trong khi năng suất nội

ngành không tăng, bởi tăng năng suất và chuyển dịch cơ cấu luôn có tương tác qua lại lẫn nhau.

Hai ngành cần tập trung chú trọng phát triển về chất hiện nay là công nghiệp chế biến chế tạo và nông nghiệp. Đối với ngành công nghiệp chế biến chế tạo, thay vì thu hút đầu tư FDI bằng mọi giá, thì cần tập trung cho việc phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu để doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia cung cấp đầu vào sản xuất cho các doanh nghiệp FDI. Thu hút đầu tư cần chú trọng đến các tác động lan tỏa mà Việt Nam có được từ đó mới có thể nâng cao được chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao được trình độ công nghệ (thông qua chuyển giao công nghệ).

Đối với ngành nông nghiệp, cần tạo ra được những thay đổi về chất lượng. Nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đến từ các quốc gia nhập khẩu đòi hỏi Việt Nam cần phải chú trọng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa sạch, chất lượng. Đối với các ngành dịch vụ (thương mại bán buôn bán lẻ, dịch vụ lưu trú và ăn uống...) cần phải nâng cao chất lượng, cải thiện đóng góp của yếu tố nội ngành, bởi đóng góp của chuyển dịch cơ cấu mặc dù lớn nhưng hiện nay đang giảm. Tập trung vào chất lượng một phần sẽ hạn chế được lao động phi chính thức khu vực này, một phần có thể tránh được giới hạn tăng trưởng của ngành trong dài hạn.

Phát triển kinh tế vẫn phụ thuộc nhiều vào các chính sách điều tiết từ phía Chính phủ (về đầu tư, thu hút đầu tư, chính sách ngành). Thực trạng đầu tư và phân bổ đầu tư đối với ngành vẫn còn nhiều bất cập, chưa thực sự tập trung cho phát triển sản xuất. Các chính sách ngành mũi nhọn, ngành mục tiêu còn chung chung không có thiết kế riêng nên việc triển khai còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả thấp. Nên cụ thể hóa các ngành mũi nhọn, có cơ sở lựa chọn ngành rõ ràng để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tăng trưởng năng suất nội ngành./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Chenery, Hollis, Sherman Robinson, and Moshi Syrquin (1986), *Industrialization and Economic Growth*, Oxford: Oxford University Press.
3. DIAL & IRD (2015), Contribution of structural change to productivity growth: evidence from Tunisia.
4. Fabricant S. (1942), *Employment in Manufacturing, 1899-1939: An analysis of its relation to the volume of production*, NBER Books.
5. Fagerberg (2000), Technological Progress, Structural Change and Productivity Growth: A Comparative Study, *Structural Change and Economic Dynamics*, 11 (4): 393-411.
6. Huỳnh Ngọc Chương, Lê Nhân Mỹ (2016), Tăng trưởng năng suất lao động tại Việt Nam: tiếp cận từ phân tích tăng trưởng-chia sẻ, *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*, tập 19, số Q3-2016.
7. ILO & Office, I. L. *Key Indicators of the Labour Market Ninth edition*.
8. IMF (2017), Structural Transformation in employment and productivity: What can Africa Hope for.
9. Jagannath Mallick (2015), Globalisation, Structural Change and Labour Productivity Growth in BRICS Economy, *FIW Working Paper series 141*, FIW.
10. Jagannath Mallick (2017), Structural change and productivity growth in india and the people's republic of china, *ADB Working Paper Series*, No.656, February 2017
11. Jain (2016), Structural Change in The Course of Economic Development: India's Experience, *Indian Journal of Applied Research*
12. Kuznets S. (1971), *Economic Growth of Nations: Total Output and Production Structure*, Harvard University Press, Cambridge, MA.
13. Lê Văn Hùng (2015), The impact of economic structural change on labour productivity in VietNam after Doimoi, *Vietnam's socio-economic development*, No.81, April 2015.
14. Meehan (2014), Structural change and New Zealand's productivity performance, *New Zealand Productivity Commission Working Paper 2014/4*.
15. McMillan M., and D. Rodrik (2011), Globalization, structural change and productivity growth, *NBER Working Paper 17143*, 1-54.
16. Nguyễn Thị Tuệ Anh và Bùi Phương Liên (2007), *Đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành vào tăng trưởng năng suất ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp bộ năm 2007.

17. Nguyễn Thị Mai Hương (2017), Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam: thành tựu và kiến nghị, <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/chuyen-dich-co-cau-nganh-kinh-te-cua-viet-nam-thanh-tuu-va-kien-nghi-127535.html>

18. Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và đầu tư (2015), Báo cáo Việt Nam 2035.

19. Nguyễn Thị Tuệ Anh (2018), Chuyển dịch cơ cấu ngành và đóng góp vào chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam, <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/chuyen-dich-co-cau-nganh-va-dong-gop-va-chat-luong-tang-truong-kinh-te-viet-nam-135248.html>.

20. Nuhu Ahemel Salim (2014), Structural change and productivity growth in developing countries, Master Thesis, 2700, <https://thekeep.eiu.edu/theses/2700>.

21. Peneder Michael (2002), Industrial Structure and Aggregate Growth, *WIFO Working Papers*, No. 182, Austrian Institute of Economic Research (WIFO), Vienna

22. Peter Havlik (2005), Structural Change, Productivity and Employment in the New EU Member States, *wiiw Research Report* No. 313, January 2005.

23. Timmer M. & A. Szirmai (2000), Productivity Growth in Asian Manufacturing: The Structural Bonus Hypothesis Examined, *Structural Change and Economic Dynamics*, pp. 371-392

24. Timmer M., Gaaitzen J. de Vries, and Klaas de Vries (2015), *Patterns of Structural Change in Developing Countries*, In *Routledge Handbook of Industry and Development*, edited by John Weiss and Michael Tribe, 65-83, London and New York: Routledge.

25. Tổng cục Thống kê (2010), <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=715>, truy cập ngày

26. UNCTAD (2014), The latest developed countries report 2014, Chapter4: Structural transformation and labour productivity in LDCs.

Ngày nhận bài:	13-11-2019
Ngày nhận bản sửa:	10-12-2019
Ngày duyệt đăng:	20-01-2020